

Bản án số 938/2023/HS-PT
Ngày 14/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 999/2023/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thúy H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2023/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo không kháng cáo, bị kháng cáo:***

Nguyễn Thúy H, sinh năm 1990, tại Nam Định; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:*** Luật sư Nguyễn Minh Th - Văn phòng luật sư Vạn B, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Những người bị hại có kháng cáo:***

1. Chị Lê Thị Th1, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Lan Trì, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn Cáp Nhất, xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Hương Quyết, xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

4. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thúy H (sinh năm 1990, trú tại thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) làm nghề lao động tự do. Để có tiền tiêu sài, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người quen bằng thủ đoạn tự giới thiệu bản thân là cán bộ đang làm việc tại Sở Tư pháp Hà Nội, có thể xin việc làm, xin được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (lương hưu), có thể mua nhà đất giá rẻ để đầu tư sinh lời. Một số bị hại tin lời giới thiệu là thật đã đưa tiền cho H nhờ xin việc, đầu tư nhà đất. Sau khi nhận tiền của các bị hại, H chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Quá trình bỏ trốn H tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số người dân trên địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra xác định cụ thể các hành vi phạm tội của Nguyễn Thúy H như sau:

Vụ thứ nhất: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T, (bố đẻ chị Th1), anh Đặng Văn T1 (con rể ông Lê Ngọc T):

Khoảng cuối tháng 7/2017, Nguyễn Thúy H mở cửa hàng bán quần áo tại xóm Nhồi Dưới, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Quá trình buôn bán, H quen biết chị Lê Thị Th1 (sinh năm 1995, trú tại thôn Lan Chì, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) mở cửa hàng bán phụ kiện điện thoại đối diện với cửa hàng của H. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Th1. H đưa ra thông tin gian dối là hiện tại H đang làm Phó Phòng tổng hợp thuộc Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, việc H mở cửa hàng bán quần áo chỉ là làm thêm. H nói có thể xin cho chị Th1 vào làm việc tại Sở tư pháp thành phố Hà Nội, công việc là trợ lý giúp việc cho H, lương khởi điểm từ 3 đến 3,5 triệu đồng/tháng, sau tăng lương dần lên khoảng 6 triệu đồng/tháng, chi phí để xin việc là 250 triệu đồng. Tin là H có thể giúp xin việc, chị Th1 đồng ý và giao tiền cho H thành nhiều lần với tổng số tiền 250 triệu đồng, H nhận tiền, chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết. Để tránh bị chị Th1 phát hiện, H đã đặt trên mạng internet

làm giả các giấy tờ để đưa cho chị Th1, gồm: ⁽¹⁾ Quyết định bổ nhiệm đề ngày 28/12/2017 về việc tuyển dụng vào làm việc tại Sở tư pháp thành phố Hà Nội có chữ ký và đóng dấu do Giám đốc Phan Hồng Sơn ký, đóng dấu bằng mực màu đỏ và xung quanh dấu có dòng chữ “*Ủy ban tư pháp của quốc hội sở tư pháp Hà Nội*”; ⁽²⁾ Giấy xác nhận đang tham gia bảo hiểm xã hội do giám đốc Ngô Anh Tuấn ký đóng dấu của Sở tư pháp thành phố Hà Nội; ⁽³⁾ Quyết định vào công chức viên chức tại Sở tư pháp Hà Nội đề ngày 22/01/2018 có chữ ký và đóng dấu do ông Ngô Anh Tuấn ký. Thỉnh thoảng H gọi chị Th1 sang, đọc cho chị Th1 viết, đưa cho một số giấy tờ ghi chép thể hiện đúng như Th1 là trợ lý của H. Đồng thời, để Th1 tin là đang được đi làm việc, H có đưa cho chị Th1 số tiền từ 03 đến 06 triệu đồng và nói là tiền lương của chị Th1.

Tiếp đó, Nguyễn Thúy H nhiều lần dùng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Th1 và người thân trong gia đình chị Th1, cụ thể:

- H nói dối mua đất ở Bắc Ninh và rủ chị Th1 chung tiền đầu tư. Chị Th1 tin tưởng đồng ý, nhiều lần đưa tiền mặt cho H với tổng số tiền 100.000.000 đồng để chung tiền mua đất. H không đầu tư mua đất mà chiếm đoạt 100.000.000 đồng của chị Th1 chi tiêu cá nhân hết.

- Nguyễn Thúy H hứa hẹn là sẽ lo được cho bố của chị Th1 là ông Lê Ngọc T (sinh năm 1959, trú tại: thôn Cáp Nhất, xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, chi phí 60.000.000 đồng. Ông T và chị Th1 đồng ý và đã gửi cho H các giấy tờ liên quan của ông T cùng 60.000.000 đồng tiền mặt. H chiếm đoạt tiền ông T đưa rồi lên mạng internet thuê làm giả 01 Giấy ủy quyền lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH đề ngày 10/1/2018, người ủy quyền là Lê Ngọc T, người được ủy quyền là Lê Thị Th1. H đưa giấy ủy quyền giả này cho chị Th1 nói là ông T đã được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội số tiền 4.100.000 đồng/tháng, thực tế ông T không được hưởng khoản trợ cấp này.

- Nguyễn Thúy H nói dối ông Lê Ngọc T về việc cần tiền mua hàng nên hỏi vay ông T số tiền 130.000.000 đồng. Tin tưởng H nên ông T đã đồng ý cho H vay và ngày 25/01/2018 nộp tiền mặt 102.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H, số còn lại 28.000.000 đồng giao cho H tại cửa hàng của H (không có giấy biên nhận). Sau khi nhận tiền H chiếm đoạt số tiền này không trả lại ông T.

- Nguyễn Thúy H nói dối ông Lê Ngọc T về việc H đầu tư mua đất diện tích 200m² do người quen bán với giá rẻ 5.000.000 đồng/1m² và rủ ông T mua chung một nửa (100m²), tương đương số tiền 500.000.000 đồng. Ông T tin tưởng đưa cho H 350.000.000 đồng tiền mặt và nhiều lần nộp tổng cộng 150.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H. Toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng nhận của ông T, H không đầu tư đất mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

- Sau đó Nguyễn Thúy H nói dối ông T là đã bán được mảnh đất mua chung trên với giá 1.800.000.000 đồng, phần của ông T là 900.000.000 đồng. Ông T đề nghị H chuyển trả khoản tiền này thì H khất lần không trả và đề nghị ông T đưa thêm 170.000.000 đồng để làm lễ cúng “cậu” để cho làm ăn phát đạt và hứa 10 ngày sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền bán đất 900.000.000 đồng, tiền vay 130.000.000 đồng và tiền cúng lễ 170.000.000 đồng, tổng cộng là 1.200.000.000 đồng. Ông T tin nên tiếp tục đưa cho H 170.000.000 đồng tiền mặt.

- H liên lạc với ông T nói dối là mua cho ông T thửa đất diện tích 160m² ở Nhôn, giá 10.000.000 đồng/m² hết 1.600.000.000 đồng, H đang cầm tổng cộng của ông T là: 1.200.000.000 đồng, còn thiếu 400.000.000 đồng H đã ứng cho ông T vay để trả đủ tiền mua đất. Ông T nói chưa đồng ý thì H bảo đã mua rồi. Ông T tin tưởng nên chuyển cho H 400.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, ông T yêu cầu H dẫn đi xem thửa đất 160m² này nhưng H lấy nhiều lý do để từ chối vì thửa đất đó không có thật.

- H liên lạc qua điện thoại với ông T và nói dối rằng Sở Tư pháp Hà Nội nơi chị Th1 đang làm việc có chủ trương bán nhà cho cán bộ nhân viên với giá rẻ, diện tích mỗi căn là 61,8m² tại Khu đô thị Long Biên, giá bán chỉ 2.500.000.000 đồng. Ông T nói không có tiền nhưng H nói ông T cứ mua vì cơ quan sẽ hỗ trợ cho vay 2.000.000.000 đồng thời hạn trả là 20 năm, không lấy lãi mà mỗi năm chỉ cần trả số tiền 100.000.000 đồng nên ông T đồng ý. H nói dối ông T bán thửa đất diện tích 160m² được 2.200.000.000 đồng, ra lộc cho người mua số tiền 20.000.000 đồng nên còn thiếu 320.000.000 đồng để mua nhà tại Khu đô thị Long Biên. H đề nghị ông T chuyển tiền 320.000.000 đồng và Giấy chứng minh nhân dân của hai vợ chồng ông T để H làm thủ tục mua nhà đất và làm sổ đỏ cho vợ chồng ông T. Ông T đồng ý và đã chuyển 320.000.000 đồng tiền mặt cho H. Khoảng một tuần sau, H bảo vợ chồng ông T đến ký một số giấy tờ để làm sổ đỏ, H đã đưa vợ chồng ông T vào nhà của H thuê tại khu đô thị Vincom Long Biên, đồng thời dẫn vợ chồng ông T đến Khu đô thị Long Biên rồi chỉ vào một ngôi nhà khóa cửa, không có người ở, nói dối là căn nhà đã mua cho ông T và hứa hẹn hai tháng nữa nhận chìa khóa. Sau đó, H lên mạng internet thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK993819, mang tên vợ chồng ông T là chủ sử dụng thửa đất số 46 tờ bản đồ số 2, diện tích 62,9m² địa chỉ A10 lô 02 Khu đất liền kề phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội, do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2018.

- Khoảng 02 tháng sau, Nguyễn Thúy H tiếp tục nói dối là chị Hương - Phó Giám đốc Sở tư pháp thành phố Hà Nội nơi chị Th1 đang làm việc có mua thửa đất diện tích lớn nằm ở tỉnh Hà Tây cũ. H rủ ông T chung tiền mua 430m² giá chỉ 4.000.000 đồng/1m² cho ông T đứng tên sổ đỏ. Ông T nói với H nếu 100m² thì có được, chứ 430m² thì không có tiền, H đồng ý bảo ông T chuyển tiền mua 100m². Ông T tin tưởng đã chuyển đưa tiền mặt 400.000.000 đồng cho H tại cửa hàng

của chị Th1 để mua 100m² đất này. Nhưng thực tế không có thửa đất trên, các thông tin trên không có thật, là thủ đoạn H lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông T.

Trong thời gian này, Nguyễn Thúy H tiếp tục đưa ra thông tin về việc đang có thửa đất 130m², bán với giá 7.000.000 đồng/1m² và rủ ông T mua, vì thấy giá rẻ nên ông T đồng ý và rủ con rể là anh Đặng Văn T1 (sinh năm 1984; trú tại: xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) cùng mua chung, trong đó anh Đặng Văn T1 góp 550.000.000 đồng, ông Lê Ngọc T góp 360.000.000 đồng. Ngày 7/3/2018 ông Lê Ngọc T nộp 530.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H, số còn lại 380.000.000 đồng giao tiền mặt cho H để mua thửa đất trên. H nhận tiền chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

- Ngoài ra, H thấy con gái ông T là chị Lê Thị T3 chưa có việc làm, H nói dối với ông T là có một suất vào làm nhân viên Sân bay Nội Bài, nhân viên kiểm tra hàng hóa lương khoảng 6 triệu đồng/1 tháng, chi phí xin việc 250.000.000 đồng nếu chị T3 muốn đi làm thì H có thể giúp. Ông T đồng ý nhờ H xin việc cho chị T3. Ngày 7/5/2018 ông Lê Ngọc T nộp 210.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H, số còn lại 40.000.000 đồng giao tiền mặt cho H kèm bộ hồ sơ để xin việc cho chị T3. H nhận tiền rồi hứa hẹn 01 tuần sau chị T3 được đi làm. Hết một tuần, H nói đang nhờ anh “Mạnh” ở Sở Giao thông Vận tải xin việc cho chị T3 và yêu cầu ông T đưa tiếp 50.000.000 đồng để đưa cho anh Mạnh thì mới được việc. Ông T nói không nhờ H xin việc nữa và yêu cầu H trả lại tiền nhưng H khất lần không trả. Sau đó, H nói dối với ông T là anh Mạnh đang cần số tiền 800.000.000 đồng đi công tác nước ngoài, một tuần sau sẽ trả lại, đổi lại anh Mạnh sẽ xin cho chị T3 đi làm luôn, ông T đồng ý. H nhặn số tài khoản của anh Nguyễn Tiến D (sinh năm 1995; trú tại: Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, là bạn của H) để ông T chuyển tiền. Ngày 30/7/2018, ông T đã nộp số tiền 390.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 1020011863565 của anh Nguyễn Tiến D, anh D cùng H ra ngân hàng rút tiền mặt giao cho H toàn bộ số tiền này, còn lại ông T đưa cho H 344.000.000 đồng tiền mặt tại cửa hàng của H. Quá thời hạn 01 tuần, ông T đòi lại nhưng H khất lần không trả. Thực tế H khai nhận không có ai tên Mạnh xin việc cho chị T3, số tiền ông T chuyển H chiếm đoạt chi tiêu hết.

- Khi ông T hỏi về khoản tiền Sở tư pháp Hà Nội cho vay 2.000.000.000 đồng, H đã làm giả một Quyết định chi trả số tiền 2.000.000.000 đồng có chữ ký của Giám đốc Sở Tư pháp Hà Nội ông Ngô Anh Tuấn. H nói dối ông T là đã sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng này cùng số tiền H cho ông T vay thêm 2.000.000.000 đồng; chị Hương - Phó giám đốc Sở Tư pháp Hà Nội cho vay 3.000.000.000 đồng (tổng cộng 7.000.000.000 đồng) để mua một căn biệt thự trị giá 7.500.000.000 đồng sát nhà của H đang ở tại Khu đô thị Vincom Long Biên, dự định là để mua cho anh Đặng Văn T. Ông T nói không đồng ý nhưng H nói dối là đã mua rồi và bảo ông T đưa thêm 500.000.000 đồng là anh T sở hữu căn nhà này và đứng tên trong sổ đỏ.

Đồng thời H liên lạc với anh Đặng Văn T1 nói nếu anh T1 nộp thêm 500.000.000 đồng thì sẽ sở hữu căn nhà trị giá 7,5 tỷ đồng. Anh T1 tin là thật nên đã đồng ý và ngày 13/7/2018, chị Lê Thị Ph (vợ anh T1) đã nộp 300.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H; ngày 23/7/2018, ông Lê Ngọc T đã nộp 200.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 104001266680 của Nguyễn Thúy H. H chiếm đoạt toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng nhận được và thuê làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK995038 mang tên vợ chồng anh Đặng Đình T1 và vợ là Lê Thị Ph, là chủ sử dụng thửa đất số 56 tờ bản đồ số 79, diện tích 174,1m² tại địa chỉ số nhà 17 đường Anh Đào 02, khu đô thị Vincom, quận Long Biên, Hà Nội do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2018. Khi ông T và gia đình biết được các Sổ đỏ và Quyết định tuyển dụng của Th1 là giả đã tìm H đòi lại tiền nhưng do đã chi tiêu hết không trả lại được ông T nên H bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thúy H đã chiếm đoạt của ông Lê Ngọc T và gia đình là **4.724.000.000 đồng**, trong đó tổng số tiền ông Lê Ngọc T và gia đình đã nộp vào tài khoản số 104001266680 của Nguyễn Thúy H tại Ngân hàng Viettinbank là 2.344.078.540 đồng; chuyển 390.000.000 đồng cho H thông qua tài khoản của anh Nguyễn Tiến D, số tiền còn lại H nhận trực tiếp nhiều lần bằng tiền mặt tại các địa điểm khác nhau như: Tại cửa hàng của H, tại nhà riêng của chị Lê Thị Th1 hoặc chị Th1 đến nhà của ông Lê Ngọc T để nhận tiền, các lần nhận tiền trực tiếp không có giấy biên nhận.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thúy H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp lời khai của ông Lê Ngọc T, chị Lê Thị Th1, anh Đặng Văn T1. H khai nhận chiếm đoạt tổng số tiền **4.724.000.000 đồng** của gia đình ông Lê Văn T1.

Đối với nhà, đất H đưa ra thông tin gian dối, cơ quan điều tra đã xác minh kết luận đều không có thật.

Đối với các giấy tờ giả mà H đặt qua mạng internet, H khai nhận: Hoà đã lên mạng internet, gõ tìm kiếm cụm từ “làm giấy tờ giả” thì sẽ ra nhiều tài khoản Facebook nhận làm giả giấy tờ. H sử dụng tài khoản Facebook “Hoa Lan Nguyen” của H để trao đổi qua Messenger với tài khoản Facebook nhận làm giả tài liệu. Chi phí làm giả là 8.500.000 đồng/01 tài liệu giả đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất và 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 tài liệu giả đối với các tài liệu giả khác. H chuyển thông tin cá nhân (họ tên, ngày tháng, năm, sinh, địa chỉ, số chứng minh nhân dân) của chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T (vợ là Nguyễn Thị Th1, anh Đặng Văn T1 (vợ là Lê Thị Ph) để yêu cầu làm các loại giấy tờ giả trên. Khi nào nhận được các tài liệu giả thì mới phải trả tiền. Các đối tượng làm giả sẽ gửi chuyển phát hoặc chuyển (ship) đến cho H thì H thanh toán tiền làm giả qua người giao hàng. Đối tượng trao đổi để làm giả các tài liệu trên H không biết là ai, ở đâu, H không nhớ được

tên, thông tin nào về tài khoản Facebook nhận làm giả giấy tờ này. Đối với tài khoản Facebook “Hoa Lan Nguyen” của H đã bị khóa và bỏ từ khoảng giữa năm 2019.

Kết luận giám định số 5246/KL-KTHS ngày 02/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an thành phố Hà Nội xác định:

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CK 993819 mang tên ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Th1 và số CK 995038, mang tên ông Đặng Văn T1 và Lê Thị Phụng, đều là giả.

- Con dấu đóng ra hình dấu tròn “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M3) không đóng ra hình dấu tròn “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2). Hình dấu tròn trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Nghĩa trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Nghĩa trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M3) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

Đối với anh Nguyễn Tiến D là người cho Nguyễn Thúy H mượn tài khoản, anh D không biết việc H mượn tài khoản để nhận tiền lừa đảo của gia đình ông T nên không có căn cứ xử lý đối với anh Nguyễn Tiến D.

Vụ thứ 2: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt thóc của bà Đào Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2 (trú tại thôn Tiên Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội):

Sau khi lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông T, H bỏ trốn thuê trọ ở nhiều nơi. Khoảng tháng 5/2022, H lấy tên là Ng thuê trọ tại thôn Tiên Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. H tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn mua thóc của bà con nông dân với giá cao, hứa trả tiền sau rồi đem bán lại với giá rẻ nhưng không trả tiền cho người bán mà chiếm đoạt tiền tiêu xài, cụ thể:

- Tháng 6/2022, H làm quen bà Đào Thị H1 (sinh năm 1957; trú tại: Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), H giới thiệu mình tên là “Ngọc”, biết bà H1 đang muốn bán thóc nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt. H cố ý trả giá cao hơn giá thị trường khoảng 1.000đ/kg, mục đích để bà H1 thấy giá cao thì bán cho H. H thỏa thuận giá thóc H8 thơm giá 13.000đ/kg; thóc 225 giá 12.000đ/kg. Bà H1 đã bán cho H 1.000kg thóc H8 thơm H nhận bàn giao thóc từ bà H1 và hứa sẽ trả tiền sau. Sau đó H thuê anh Lương Tuấn Ngh (sinh năm 1996; trú tại: Tiên Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) chở số thóc trên tới bán cho chị Cao Thị D1 (sinh năm 1978; trú tại: Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) với giá 10.000 đồng/kg được số tiền khoảng hơn 9.000.000 đồng. H chi tiêu cá nhân hết, không trả tiền mua thóc cho bà H1.

Cũng bằng thủ đoạn trên, H nói với bà H1 nếu có ai trong thôn có nhu cầu bán thóc thì sẽ mua và nhờ bà H1 đi tìm mua hộ. Khoảng cuối tháng 6/2022, bà H1 gặp bà Phùng Thị L (sinh năm 1959; trú tại: Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) mua hộ H 400kg thóc loại 225 và gặp bà Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1963; trú tại: Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) mua hộ H 220kg thóc loại 225. Tổng số tiền bà H1 mua thóc hộ cho H là 7.440.000 đồng. H nhận số thóc trên hứa hẹn trả tiền sau. H thuê anh Ngh chở đến bán cho chị D1 với giá 9.000 đồng/kg được số tiền khoảng 5.500.000 đồng nhưng không trả tiền cho bà H1.

- Khoảng giữa tháng 6/2022, thông qua bà H1, H gặp chị Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1981; trú tại: Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), H giới thiệu tên là Ng, đặt vấn đề mua thóc của chị H2 với giá 11.000 đồng/kg loại thóc 225. Chị H2 đồng ý bán cho H 573kg thóc 225 với tổng số tiền là 6.303.000 đồng, H xin nợ và trả tiền sau. Sau đó, H thuê anh Ngh chở số thóc này tới bán cho chị D1 với giá 9.000đ/kg được khoảng hơn 4.000.000 đồng tiêu sài cá nhân không thanh toán cho chị H2.

- Ngày 21/6/2022, H gặp bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1968; trú tại: Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), giới thiệu tên là Ngọc, đặt vấn đề mua 500kg thóc loại 225 với giá 12.000đ/kg. Bà T2 đồng ý. H nhận số thóc trên từ bà T2, hứa sẽ trả tiền sau, rồi lại thuê anh Nghĩa chở số thóc trên tới bán cho chị D1 với giá 9.000 đồng/kg được số tiền khoảng 4.500.000 đồng nhưng không trả tiền cho bà T2.

Sau đó, H còn tiếp tục nhờ bà T2 mua hộ thóc của bà Niệm 700kg, chị N 900kg và bà T2 bù thêm thêm 200kg thóc (đều là loại 225) tổng gom mua được 1.800 kg thóc để bán cho H. Tổng số tiền H mua thóc của bà T2 là 26 triệu đồng. H thuê anh Ngh chở đi bán cho chị Nguyễn Thị D2 (sinh năm 1965; trú tại: xóm Chùa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) với giá khoảng 8.500 đồng/kg được khoảng 14 triệu đồng tiêu sài cá nhân, không trả tiền mua thóc cho bà T2.

Như vậy, tổng số thóc mà H chiếm đoạt của các bị hại là: 1.000kg thóc loại H8 thơm, 3.493kg thóc loại 225. H mang đi bán được khoảng 34,5 triệu đồng và đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, không trả tiền mua thóc cho những người bị hại. Bà H1, bà T2 và bà H2 nhiều lần đòi tiền nhưng H không trả, nói dối rằng người mua thóc của H chưa trả tiền nên không có tiền trả. Sau đó, H đã bỏ đi để trốn tránh không trả tiền cho bà H1, bà T2, bà H2. Đến ngày 26/7/2022 bà T2 bắt gặp H nên đã đưa H vào Công an xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trình báo sự việc.

Ngày 04/8/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông Anh xác định: 1.000kg thóc H8 thơm có giá trị 11.000.000đ (mười một triệu đồng); 3.493kg loại thóc 225 có giá trị 38.423.000đ (ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng). Tổng giá trị số thóc H lừa đảo chiếm đoạt là: **49.423.000 đồng**.

Tại cơ quan công an, các bà Đào Thị H1, bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị H2 nhận dạng xác định Nguyễn Thúc H đúng là người đã sử dụng tên “Ng” để mua thóc nhưng không trả tiền, yêu cầu H bồi thường, khắc phục, trả lại số tiền đã mua thóc đang chiếm đoạt và xử lý H theo đúng quy định pháp luật.

Đối với anh Lương Tuấn Ngh là người H thuê chở số thóc mà H chiếm đoạt mang đi bán, anh Ngh không biết và không tham gia cùng H lừa đảo chiếm đoạt thóc của các bị hại, không đồng phạm với H nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số 208/CT-VKS-P3 ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thúc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2023/HSST ngày 19/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thúc H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thúc H 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thúc H 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thúc H phải bồi thường cho chị Lê Thị Th1 số tiền 410.000.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Ngọc T số tiền 3.464.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Văn T1 850.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đào Thị H1 số tiền 17.820.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị H2 6.303.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T2 25.300.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26 và 27/7/2023, những người bị hại là chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1, bà Đào Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thúc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thúy H vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Nguyễn Thúy H đã nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo chấp nhận bản án sơ thẩm, không kháng cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con nhỏ, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, không nhẹ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị hại chị Lê Thị Th1, bà Đào Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt và có cùng nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt như kháng cáo của ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1.

Ông Lê Ngọc T và anh Đặng Văn T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thúy H vì bị cáo phạm tội nhiều lần, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn, thay tên để tiếp tục phạm tội, gây khó khăn cho cơ quan điều tra đồng thời buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nội dung kháng cáo của các bị hại thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, xét xử bị cáo Nguyễn Thúy H về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” cũng như điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Nguyễn Thúy H mức án 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là đúng pháp luật và khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bị hại có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hà Nội thi hành bản án về phần bồi thường dân sự. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị hại trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thúy H, người bị hại chị Lê Thị Th1, bà Đào Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xét bị cáo không kháng cáo, các bị hại kháng cáo có cùng nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, tại phiên tòa ông Lê Ngọc T và anh Đặng Văn T1 đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo. Xét thấy việc vắng mặt bị cáo cũng như người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo và người bị hại theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

[2]. Về nội dung:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thúy H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thúy H làm nghề lao động tự do, để có tiền tiêu sài, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người quen biết. H dùng thủ đoạn gian dối tự giới thiệu bản thân là Phó phòng của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, có khả năng xin việc làm, có khả năng mua nhà, đất đầu tư sinh lời để những người quen tin tưởng giao tiền nhờ xin việc, giao tiền nhờ mua nhà, đất. Bằng thủ đoạn trên, từ tháng 8/2017 đến tháng 07/2022, Nguyễn Thúy H nhiều lần chiếm đoạt tiền của các bị hại, cụ thể:

+ 03 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Thị Th1 (con gái ông Lê Ngọc T) tổng số tiền 410.000.000 đồng bằng thủ đoạn lừa xin cho chị Th1 vào làm việc tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; nhận tiền để mua đất ở Bắc Ninh cho chị Th1; nhận tiền để lo cho ông Lê Ngọc T hưởng trợ cấp BHXH.

+ 11 lần lừa đảo chiếm đoạt của ông Lê Ngọc T tổng số tiền 3.464.000.000 đồng bằng các thủ đoạn nhận tiền để mua hộ nhà, đất đầu tư sinh lời; nhận tiền để xin việc cho chị Lê Thị T3 (con gái ông T); nhận tiền để mua hộ nhà tại Vincom Long Biên cho anh Đặng Văn T1.

+ 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của anh Đặng Văn T1 tổng số tiền 850.000.000 đồng bằng thủ đoạn nhận tiền để mua hộ đất, nhà tại Vincom Long Biên.

Tổng số tiền Nguyễn Thúy H chiếm đoạt của gia đình ông T là 4.724.000.000 đồng.

Để tạo lòng tin cho chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1, H đã thuê đối tượng trên mạng internet làm giả 07 giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức gồm: 01 Quyết định về việc bổ nhiệm đề ngày 28/12/2017 về việc tuyển dụng vào làm việc tại Sở tư pháp thành phố Hà Nội, 01 Giấy xác nhận đang tham gia bảo hiểm xã hội, 01 Quyết định vào công chức viên chức tại Sở tư pháp Hà Nội đề ngày 22/01/2018, 01 giấy ủy quyền lĩnh thay lương hưu trợ cấp bảo hiểm

xã hội, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK993819 diện tích 62,9m² địa chỉ A10 lô 02 khu đất liền kề phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội, 01 Quyết định chi trả số tiền 2 tỷ đồng do ông Giám đốc Sở tư pháp Hà Nội ký, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK995038 mang tên anh Đặng Đình T4 và vợ là Lê Thị Ph.

Khoảng tháng 5/2022, sau khi chiếm đoạt được tiền của gia đình ông T, H bỏ trốn đến thuê trọ tại thôn Tiên Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Tại đây H tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức mua thóc của người dân với giá cao, hứa trả tiền sau rồi mang số thóc này đem bán với giá thấp hơn để lấy tiền tiêu xài cá nhân không trả tiền mua thóc cho người dân. Bằng thủ đoạn này H đã chiếm đoạt của bà Đào Thị H1 1.000 kg thóc loại H8 thơm, 620 kg thóc loại 225, tổng trị giá 17.820.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H2 573 kg thóc loại 225 trị giá 6.303.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T2 2.300 kg thóc loại 225 trị giá 25.300.000 đồng. Tổng giá trị số thóc H chiếm đoạt của các bị hại là 49.423.000 đồng.

Tổng số tiền, tài sản Nguyễn Thúc H chiếm đoạt của các bị hại là 4.773.423.000 đồng, đến nay chưa khắc phục trả lại cho các bị hại.

Do có các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thúc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” và “sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của những người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thúc H, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã cùng lúc thực hiện hai hành vi phạm tội. Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước; xâm phạm đến việc quản lý, sử dụng con dấu trong công tác hành chính của nhà nước, tổ chức; không những thế bị cáo đã sử dụng các giấy tờ giả mạo để tạo lòng tin nhằm lừa đảo, chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của người khác. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội nhiều lần với nhiều thủ đoạn đã chiếm đoạt tiền, tài sản của nhiều bị hại. Bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn của các thành viên trong một gia đình gây ra thiệt hại đặc biệt lớn cho gia đình bị hại là ông T, chị Th1 và anh T1; thông qua việc mua bán thóc bị cáo lừa đảo chiếm

đoạt tài sản của những người nông dân, người lao động hoàn cảnh khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo chưa bồi thường, khắc phục thiệt hại cho các bị hại.

Khi xem xét, quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” việc bị cáo làm giả 07 tài liệu của cơ quan, tổ chức là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt và quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thúy H 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người bị hại về đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại. Về vấn đề này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bị hại có quyền gửi đơn đề nghị cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án về phần phân trách nhiệm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại là chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1, bà Đào Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2023/HSST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thúy H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thúy H 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thúy H phải bồi thường cho chị Lê Thị Th1 số tiền 410.000.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Ngọc T số tiền 3.464.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đặng Văn T1 850.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đào Thị H1 số tiền 17.820.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị H2 6.303.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T2 25.300.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Th1, ông Lê Ngọc T, anh Đặng Văn T1, bà Đào Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị T2, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học